

BẢNG KÊ CẤU KIỆN

Tên chuỗi cách điện	STT	Tên chi tiết	Tải trọng phá hoại (kN)	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
NK30 AS	1	Cụm bắt chuỗi	300	Cái	2	Sử dụng lại
	2	Mắt nối điều chỉnh	300	Cái	2	Sử dụng lại
	3	Vòng treo đầu tròn	300	Cái	2	Sử dụng lại
	4	Súng phóng điện	-	Cái	2	
	5	Cách điện U300B	300	Bát	2x24	Chiều dài đường rãnh > 460mm
	6	Vòng phóng điện	-	Cái	1	
	7	Mắt nối kẹp	300	Cái	2	Sử dụng lại
	8	Khánh	600	Cái	1	Sử dụng lại
	9	Mắt nối chuyển hướng	300	Cái	2	Sử dụng lại
	10	Khánh	300	Cái	2	Sử dụng lại
	11	Mắt nối điều chỉnh	210	Cái	4	Sử dụng lại
	12	Thanh nối thẳng	160	Cái	2	Sử dụng lại
	13	Khóa neo dây dẫn	95%UTS	Cái	4	Sử dụng lại

Ghi chú:

- Phụ kiện và cách điện sẽ được chính xác lại khi có nhà thầu cung cấp thiết bị.
- Đơn vị kích thước trong bản vẽ là mm.

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

ĐƯỜNG DÂY 500KV  
SƠN LA - HÒA BÌNH - NHỎ QUAN

SƠ ĐỒ LẮP CHUỖI NÉO KÉP NK30 AS

P Giám đốc: Phạm Ngọc Quang

CTTT: Nguyễn Thanh Sơn

Kiểm soát: Phạm Ngọc Quang

Thiết kế: Nguyễn Thanh Sơn

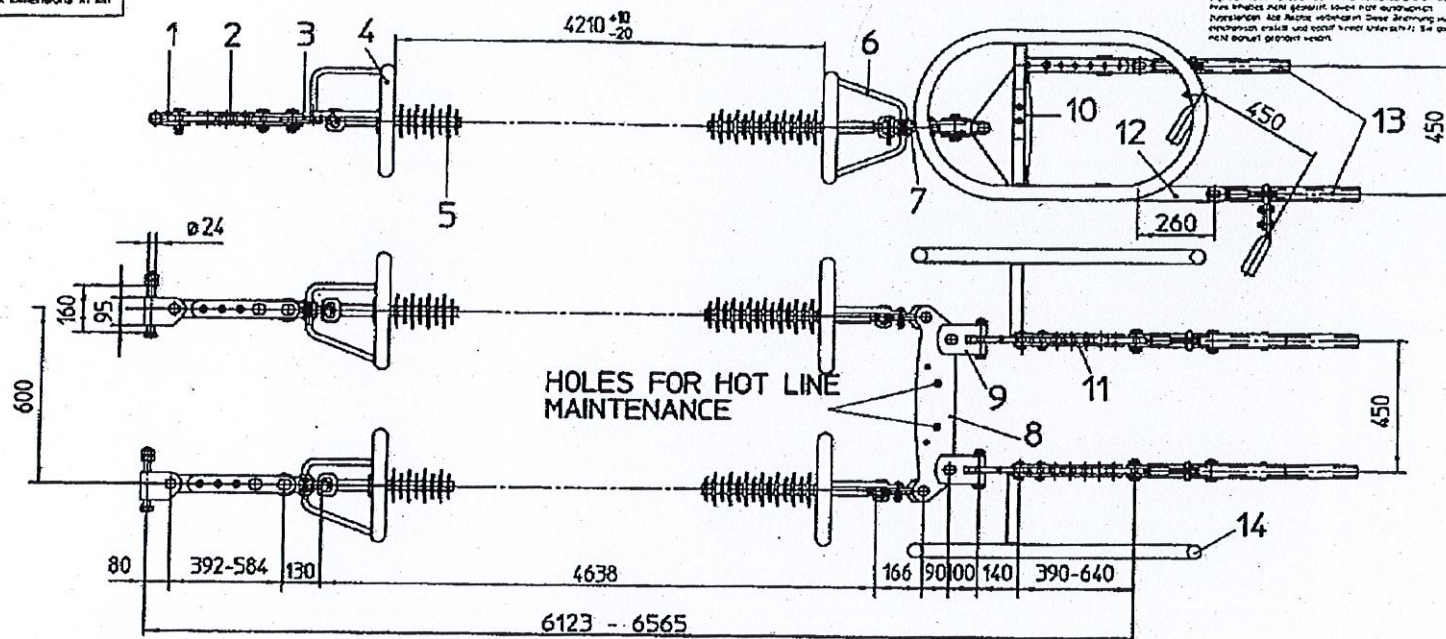
BCKTKT

03-2022

27.2004-CD.08



Alle Maße in mm  
All Dimensions in mm



Eintrag von PFISTERER SEFA AG: Verwendung und Montage  
nach Angaben des Herstellers sind nicht zulässig.  
Pfisterer SEFA AG ist nicht verantwortlich für die  
Verwendung dieses Zeichnungsblocks. Es gilt  
nicht darauf geachtet werden.

Eintrag von PFISTERER SEFA AG: Verwendung und Montage  
nach Angaben des Herstellers sind nicht zulässig.  
Pfisterer SEFA AG ist nicht verantwortlich für die  
Verwendung dieses Zeichnungsblocks. Es gilt  
nicht darauf geachtet werden.

**FINAL**

- Lightning Impulse Withstand Voltage:  $\geq 1'800$  kV
- Switching Impulse Withstand Voltage:  $\geq 1'175$  kV
- Creepage distance: 13'515 mm ( $\geq 25$  mm/kV)

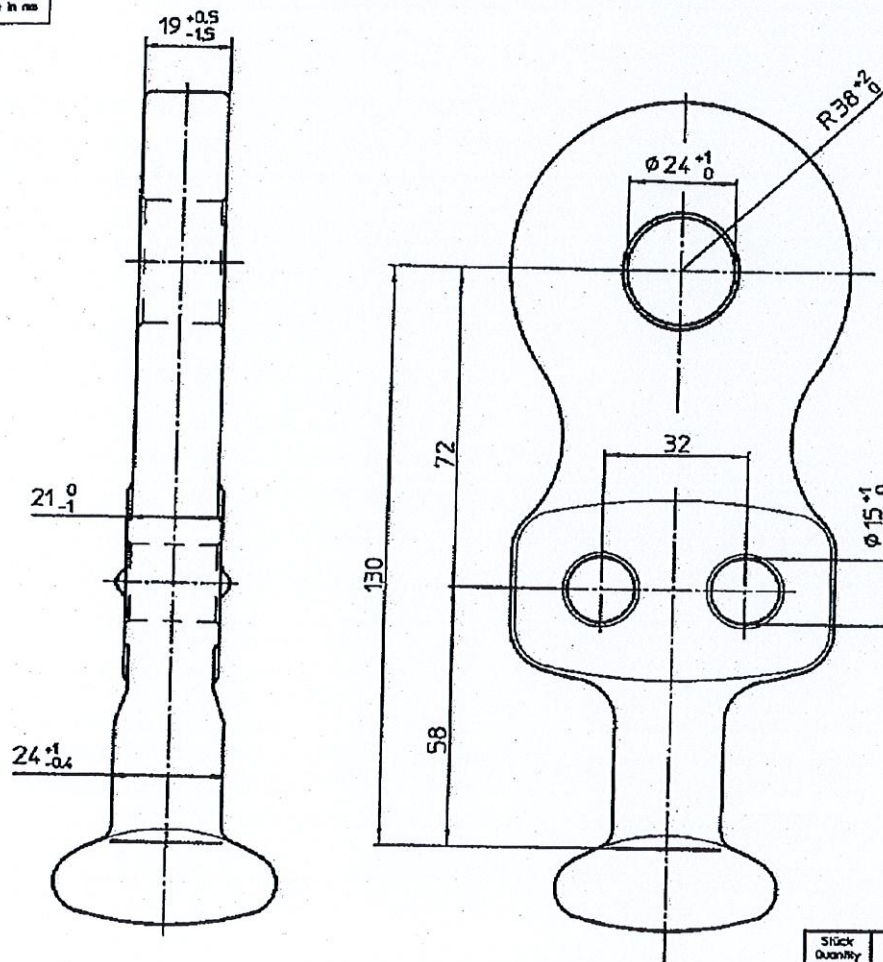
2	Corona ring	14	steel	h.d.g	182 996-181	✓
4	Compr.dead end clamp	13	al/steel	h.d.g	182 922-232	✓95% UTS
2	Clevis tongue - straight	12	steel	h.d.g	182 909-774	✓ 160 kN
4	Adjustable extension link	11	steel	h.d.g	182 916-121	✓ 210 kN
2	Yoke	10	steel	h.d.g	182 714-075	✓ 300 kN
2	Strain hinge	9	steel	h.d.g	182 702-050	✓ 300 kN
1	Yoke	8	steel	h.d.g	182 938-742	✓ 600 kN
2	Socket tongue - twisted	7	d.f.s	h.d.g	182 911-254	✓ 300 kN
2	Arc/corona ring	6	steel	h.d.g	182 996-534	✓
2	Longrod insulators	5	composite		138 226-208	300 kN
2	Arc/corona ring	4	steel	h.d.g	182 996-182	✓
2	Ball eye - straight	3	d.f.s	h.d.g	182 906-167	✓ 300 kN
2	Adjustable extension link	2	steel	h.d.g	182 916-113	✓ 300 kN
2	Hinge	1	steel	h.d.g	182 902-240	✓ 300 kN

Minimum short circuit current: 25 kA/ 1 sec.  
d.f.s. - drop forged steel  
h.d.g. - hot dip galvanized acc. to EN ISO 1461  
Ball/Socket coupling size acc. to IEC 120/24

Stück Quantity	Gegenstand Specification	Pos. Item	Material	Oberfläche Surface	Mod.-oder Mod.-or Art.Nr.	Bemerkungen Notes
	<b>DOUBLE TENSION STRING</b> 4 x ACSR 330/43 $\phi 25.4$ mm <b>NK 30 AS</b> <b>500 kV</b> PFISTERER SEFA AG CH-6102 Möllers			Massstab Scale NTS	Gezeichnet Designed 00.07.08 Geändert Changed 04.08.09 Geprüft Checked	maß raf
				Erstellt für/Submitted for	And.-Nr. Modification	A8141
				Blatt Nr. Page No.		Index 01
				1		180 450-738



All Measures in mm  
All Dimensions in mm



Specified minimum failing load	I thN	Mass (approx.)
Spezifizierte mindest Bruchlast		Gewicht (zirka)
300 kN	50 kA/ 1 sec	1,23 kg

Ersetzen von PFISTERER SEFAQ AG Vorname und Nachname  
mit Name des Herstellers, der die Zeichnung erstellt  
ausserdem die Firma, von der diese Zeichnung wurde  
entnommen, eintragen und damit unterzeichnet. Bei der  
ersten Version ist dies nicht erforderlich.

Ersetzen von PFISTERER SEFAQ AG Vorname und Nachname  
mit Name des Herstellers, der die Zeichnung erstellt  
ausserdem die Firma, von der diese Zeichnung wurde  
entnommen, eintragen und damit unterzeichnet. Bei der  
ersten Version ist dies nicht erforderlich.

**FINAL**

#### Material:

- Steel, drop forged - hot dip galvanized
- Tensile strength max. 820 N/mm<sup>2</sup>
- Elongation minimum 16%
- Ball coupling size acc. to IEC 120/24

#### Tolerances:

Dimension without specified tolerances up to and including 35mm  $\pm 0.7$ mm and over 35mm  $\pm 2\%$ .

#### Werkstoff:

- Stahl, geschmiedet - feuerverzinkt
- Zugfestigkeit max. 820 N/mm<sup>2</sup>
- Bruchdehnung minimum 16%
- Kloppelmasse nach IEC 120/24

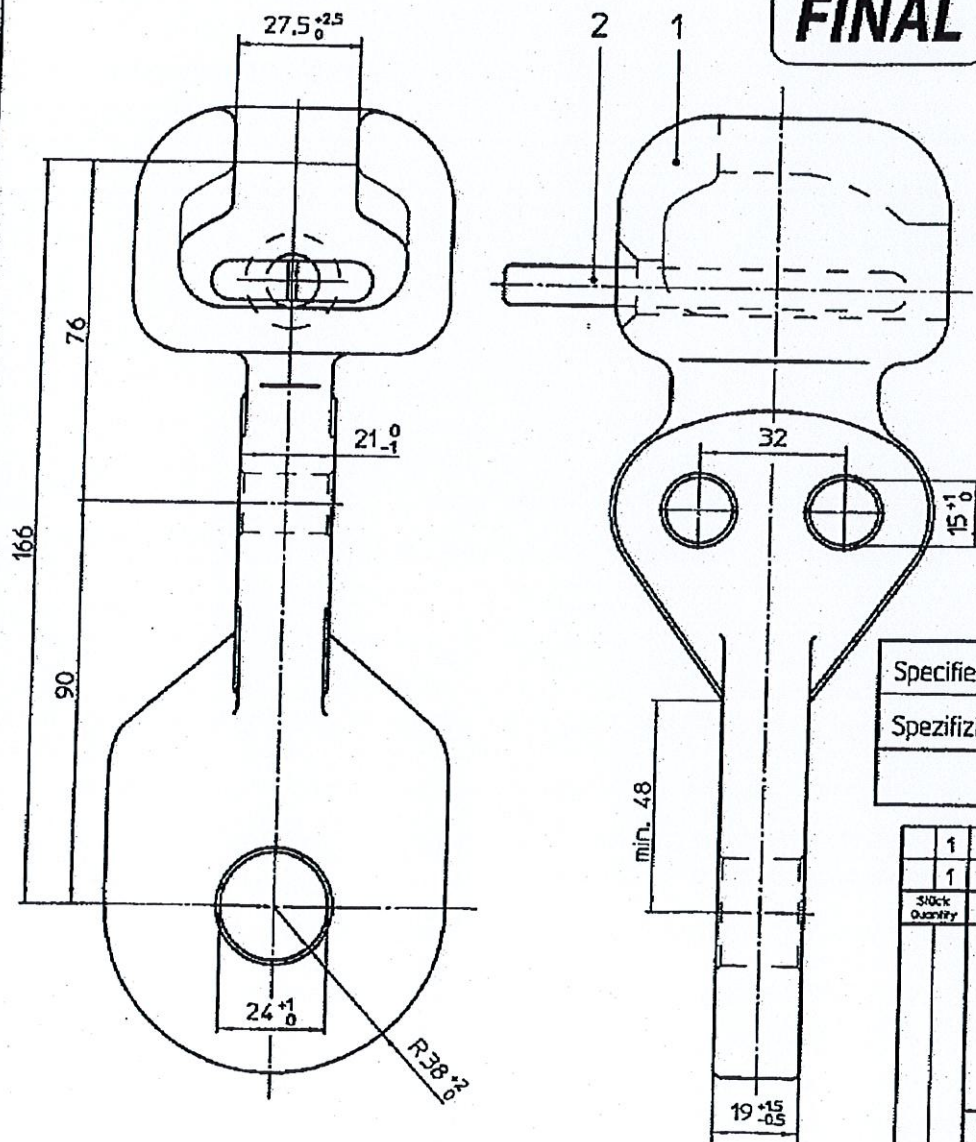
#### Toleranzen:

Masse ohne Toleranzangaben bis 35mm  $\pm 0.7$ mm und über 35mm  $\pm 2\%$ .

Stück Quantity	Gegenstand Specification	Pos. Rev.	Material	Oberfläche Surface	Mod.-oder Art.Nr. Mod.-or Art.No.	Bemerkungen Notes
	BALL EYE - STRAIGHT KLOPPPELOESE - GERADE			Massstab Scale	23.11.04	feus
				Gezeichnet Designed	31.03.09	msh
				Geändert Changed	31.03.09	msh
				Geprüft Checked	31.03.09	msh
	PFISTERER SEFAQ AG CH-6102 Möllers			Ersetzt für/Substitute for US 700.153	And.-Nr. Modification	A7856
				Bolt Nr. Page No.	1	Index 02
						182 906-167



Alle Maße in mm  
All Dimensions in mm



**FINAL**

#### Material:

- Steel, drop forged - hot dip galvanized
- Tensile strength max. 820 N/mm<sup>2</sup>
- Elongation minimum 16%
- Socket coupling size acc. to IEC 120/24

#### Tolerances:

Dimension without specified tolerances up to and including 35mm  $\pm 0.7$ mm and over 35mm  $\pm 2\%$ .

#### Werkstoff:

- Stahl, geschmiedet - feuerverzinkt
- Zugfestigkeit max. 820 N/mm<sup>2</sup>
- Bruchdehnung minimum 16%
- Pfannenmasse nach IEC 120/24

#### Toleranzen:

Masse ohne Toleranzangaben bis 35mm  $\pm 0.7$ mm und über 35mm  $\pm 2\%$ .

Specified minimum failing load	I thN	Mass (approx.)
Spezifizierte mindest Bruchlast		Gewicht (zirka)
300 kN	63 kA/1sec	1,7 kg

1	Colter pin	2	branze			
1	Socket tongue	1	d.f.s	h.d.g		
Stock Quantity	Gezeichnet Specification	Pos. Item	Material Material	Oberfläche Surface	Mod.-oder A1UN. Mod.-or A1UN.	Bemerkungen Notes
	SOCKET TONGUE - TWISTED PFANNENOESE - GEDREHT			Massstab Scale	Gezeichnet Designed	10.11.04
				NTS	Geändert Changed	16.05.06
				Gezeichnet Checked	Geprüft	raf
				kg Suchbegriff		
	Ersatz für/Substitute for US			And.-Nr. Modification		
	PFISTERER SEFAQ AG CH-6102 Malters			Blatt Nr. Page No.	182 911-254	
				1		

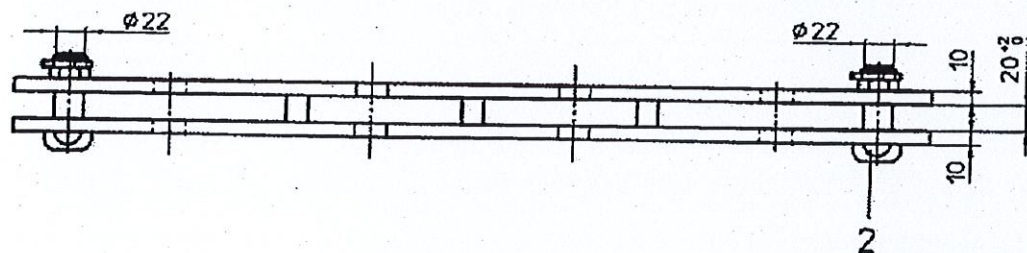
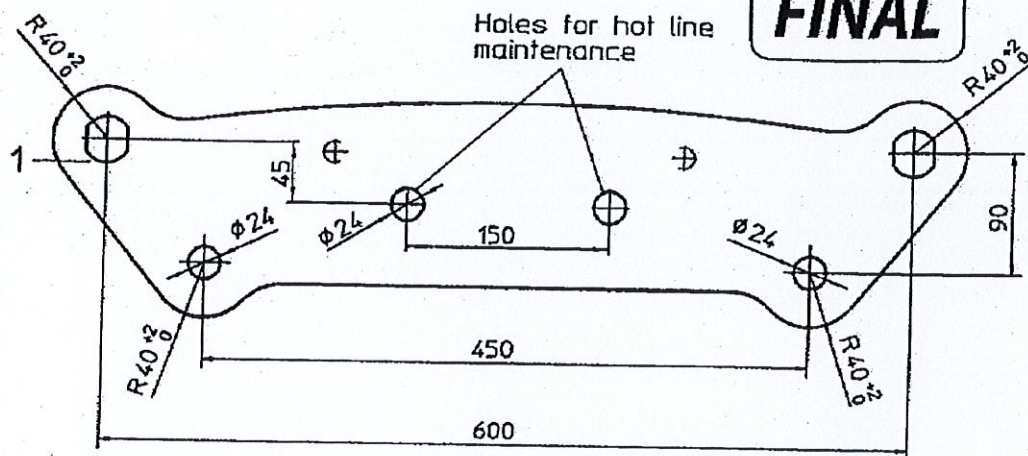


Alle Maße in mm  
All Dimensions in mm

**FINAL**

Entwurf von PFISTERER SEFAG AG. Entwurf und Prüfung  
This drawing is a computer product. Therefore no  
signature is required. Its manual reproduction is prohibited.

Entwurf von PFISTERER SEFAG AG. Entwurf und Prüfung  
This drawing is a computer product. Therefore no  
signature is required. Its manual reproduction is prohibited.



Material:

Steel, hot dip galvanized

- Tensile strength 490 - 630 N/mm<sup>2</sup>

- Elongation minimum 22%

Tolerances:

Dimension without specified tolerances up to and including 35mm ±0.7mm and over 35mm ±2%.

Werkstoff:

Stahl, feuerverzinkt

- Zugfestigkeit 490 - 630 N/mm<sup>2</sup>

- Bruchdehnung minimum 22%

Toleranzen:

Masse ohne Toleranzangaben bis 35mm ±0.7mm und über 35mm ±2%.

Specified minimum failing load	I thN	Mass (approx.)
Spezifizierte mindest Bruchlast		Gewicht (zirka)
600 kN	40 kA/1sec	13.7 kg

2	Bolt Ø22 c/w nut, split-pin	2	steel	h.d.g.		
1	Yoke	1	steel	h.d.g.		
Stück Quantity	Gegenstand Specification	Pos. Item	Material Material	Oberfläche Surface	Mod.-oder Art.Nr. Mod.-or Art.No.	Bemerkungen Notes
	TRAPEZOIDAL YOKE			Massstab Scale	Gezeichnet Designed	01.07.08
	TRAPEZ - ABSTANDHALTER			NTS	Geändert Changed	03.08.09
				Geprüft Checked		
				Suchbegriff to		
				Ersetzt für/Substitute for	And-Nr. Modification	A8137
						Index 01
	PFISTERER SEFAG AG			Blatt Nr. Page No.		
	CH-6102 Malters			1		182 938-742